TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-9-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Minh Nhẫn.
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức-Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 134/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim P; Sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Trần Văn T; Sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hồ Thị L; Sinh năm: 1968; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2017, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 08/8/2017 và đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 11/8/2017, nguyên đơn Võ Thị Kim P trình bày như sau: Bà Võ Thị Kim P và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 06/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà P, ông T chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau. Đến tháng 10/2015, vợ chồng bà P, ông T sống ly thân đến nay. Vợ chồng bà P, ông T có một con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 28/01/2015, hiện nay cháu K sống chung với bà P. Về tài sản chung, vợ chồng bà P, ông T có tài sản chung

là 08 chỉ vàng 24k hiện do bà Hồ Thị L (là mẹ ruột ông T) cất giữ hộ. Về nợ chung, vợ chồng bà P, ông T không có nợ chung. Hiện nay, bà P làm công nhân có thu nhập trung bình là 4.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông Tải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị L nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T và bà L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T và bà L về vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Võ Thị Kim P, ông Trần Văn T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Phượng cho vợ chồng bà P, ông T ly hôn. Về con chung, xét yêu cầu của bà P là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên của bà P, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng Trần Quốc K đến khi thành niên. Về cấp dưỡng cho con chung, do bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho cháu K, đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng cho cháu K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 19/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Võ Thị Kim P lập ngày 01/6/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà P nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà P và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2017, bà Võ Thị Kim P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn

T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn Võ Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt gửi trực tiếp cho Tòa án vào ngày 11/8/2017. Bị đơn Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Kim P:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim P, sinh năm 1984 và ông Trần Văn T, sinh năm 1989 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2014 ngày 06/02/2014, nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà P và ông T chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2015 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà P, ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà P, ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà P xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung:

[8] Bà Võ Thị Kim P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Xét lời trình bày của bà P xác định bà P và ông T có con chung là Trần Quốc K, sinh ngày 28/01/2015 là phù hợp với Giấy khai sinh số 30 ngày 12/02/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà P là phù hợp với điều kiện thực tế cần ổn định cuộc sống của cháu K và phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà K. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Quốc K cho bà Võ Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Bà Võ Thị Kim P xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Trần Quốc K nên không yêu cầu ông Trần Văn T cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông Tải cấp dưỡng cho cháu K.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Kim P chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim P và ông Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Võ Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Võ Thị Kim P và ông Trần Văn T là Trần Quốc K, sinh ngày 28/01/2015 đến khi thành niên (hiện nay, cháu Trần Quốc K sống chung với bà Võ Thị Kim P).

- Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng cho Trần Quốc K.

- Ông Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom Trần Quốc K mà không ai được cản trở. Ông Trần Văn T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Quốc K của bà Võ Thị Kim P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim P chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006381 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Trả lại cho bà Võ Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng. Ông Trần Văn T và bà Hồ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ